

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM – ST
Ngày: 11/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên

Ngày 11/5/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLST – KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2017, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 08/3/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-KDTM ngày 27/3/2018 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2018/QĐST-KDTM ngày 13/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: Số 262A, đường N, phường T, quận B, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Kim O – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D – Chức vụ: Chuyên viên pháp chế - Theo giấy ủy quyền số 22/2017/GUQ-T ngày 18/7/2017 (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 262A, đường N, phường T, quận B, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại và Dịch Vụ H

Địa chỉ trụ sở: Ấp 12, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hữu P – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 12, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần T - bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 15/9/2014, Công ty Cổ phần T (gọi tắt là công ty T) và Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại và Dịch Vụ H (gọi tắt là công ty H) có ký hợp đồng mua bán thường xuyên số 273A/2014/HĐT-T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty T đã bán cho công ty H các lô hàng là tập vở học sinh với tổng giá trị là 818.565.122đ. Tuy nhiên công ty H không thanh toán đủ số tiền hàng trên cho công ty T. Tính đến ngày 29/02/2016 công ty H chỉ thanh toán được 294.000.000đ còn nợ số tiền 524.565.122đ. Công ty T có gửi biên bản xác nhận số dư công nợ cho công ty H và H cũng thống nhất xác nhận số nợ trên.

Sau ngày 29/02/2016 thì công ty H có trả lại cho công ty T một số hàng hóa. Mặc dù hai bên không lập biên bản về việc trả hàng nhưng công ty T vẫn chủ động khấu trừ tiền hàng trả về cho công ty H với tổng giá trị hàng trả về là 209.107.897đ. Sau khi khấu trừ thì công ty H còn nợ công ty T số tiền 315.457.225đ. Ngày 01/6/2017 công ty T có văn bản số 70/2017/CV-T về việc đề nghị thanh toán nợ quá hạn gửi công ty H, yêu cầu công ty H thanh toán số tiền trên, hạn chót là ngày 07/6/2017. Tuy nhiên đến nay công ty H vẫn chưa trả cho công ty T. Do đó, công ty T khởi kiện yêu cầu công ty H trả cho công ty T số tiền 315.457.225đ.

Tại phiên tòa đại diện công ty T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án công ty T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với bị đơn, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại và Dịch Vụ H:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Theo công văn số 392/SKHĐT- ĐKKD ngày 01/9/2017 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cung cấp cho Tòa án thông tin như sau: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại và dịch vụ H được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800974310, đăng ký lần đầu ngày 26/6/2012. Địa chỉ trụ sở chính tại Tổ 1, ấp 4B (nay là ấp 12), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Hữu P, sinh ngày 20/10/1987 (cùng địa chỉ trên). Đến nay, Phòng đăng ký kinh doanh chưa nhận được hồ sơ về việc tạm ngừng kinh doanh hay giải thể của doanh nghiệp; thông tin về Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ H còn tồn tại trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia; trạng thái của doanh nghiệp tại cơ quan thuế là đang hoạt động. Và theo biên bản xác minh ngày 23/8/2017 của Tòa án xác minh tại Công an xã L xác định: Ông Bùi Hữu P có đăng ký hộ khẩu tại tổ 1, ấp 4B (nay là ấp 12) xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Hiện vẫn chưa tách, chuyển khẩu nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Trên cơ sở các tài liệu đã thu thập, xác minh, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và cũng không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo luật định. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 315.457.225đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ H thanh toán số tiền còn lại khi thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai công ty. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng mua bán giữa hai công ty, có cơ sở xác định tranh chấp giữa công ty T và công ty H là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và có mục đích lợi nhuận. Xét, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về việc mở phiên họp cũng như thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không giao nộp tài liệu chứng cứ, cũng không có lời khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt

tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án để xem xét, giải quyết vụ án.

[4] Xét hợp đồng mua bán thường xuyên số 273A/2014/HĐT-T ngày 15/9/2014 giữa công ty T và công ty H được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật, do đó hợp đồng này là hợp pháp. Tổng giá trị hàng hóa công ty T đã bán cho công ty H là 818.565.122đ. Căn cứ biên bản xác nhận số dư công nợ ngày 29/02/2016 giữa hai công ty thì tính đến ngày 29/02/2016 công ty H còn nợ công ty T số tiền 524.565.122đ. Biên bản được đại diện công ty H ký tên và đóng dấu một công ty xác nhận. Do đó, có cơ sở xác định số tiền công ty H còn nợ công ty T tính đến ngày 29/02/2016 là đúng. Mặc dù công ty T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc trả lại hàng hóa giữa công ty T và công ty H. Nhưng việc công ty T khấu trừ giá trị hàng trả về và chỉ yêu cầu công ty H thanh toán số tiền 315.457.225đ là ít hơn so với số tiền hai bên đã xác nhận ngày 29/02/2016 và không bất lợi cho bị đơn. Theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán thường xuyên số 273A/2014/HĐT-T ngày 15/9/2014 giữa các bên thì công ty H phải thanh toán cho công ty T trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi giao nhận hàng. Ngày giao nhận hàng sau cùng giữa hai công ty là ngày 12/10/2015. Đến ngày 01/6/2017 công ty T cũng đã có văn bản số 70/2017/CV-T về việc đề nghị công ty H thanh toán số tiền trên với hạn chót là ngày 07/6/2017. Như vậy thời hạn thanh toán theo thỏa thuận đã hết, các bên cũng không có thỏa thuận khác nên đối với việc công ty T yêu cầu công ty H phải thanh toán số tiền 315.457.225đ là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 50, Điều 55, Điều 319 Luật thương mại;
- Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty Cổ phần T:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất Nhập Khẩu Thương Mại và Dịch Vụ H trả cho Công ty Cổ phần T số tiền 315.457.225đ (*Ba trăm mười lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại và Dịch Vụ H chịu 15.772.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Cổ phần T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 7.886.000 là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014786 ngày 21/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên